CTCP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HSX: HQC)

Thông tin giao dịch	30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	3,410
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,720
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,930
SL cổ phiếu LH	576,599,274
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,109,685
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,966
P/E	69.7
EPS	49

	YTD	1T	3T	6T
HQC	-18.0%	-2.8%	-11.7%	-22.5%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

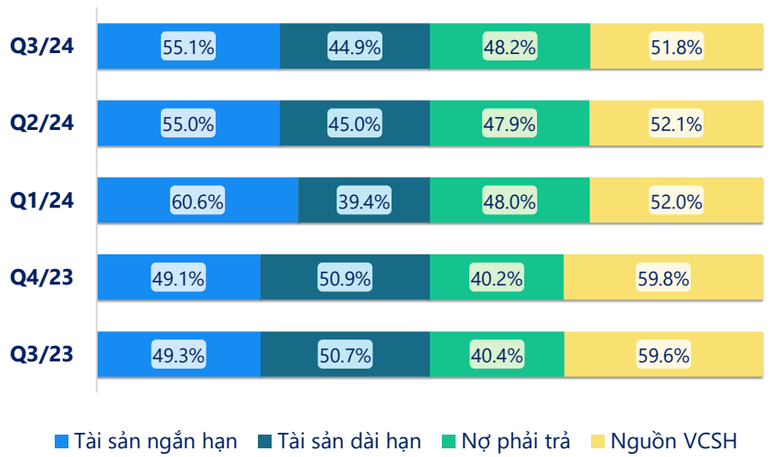

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

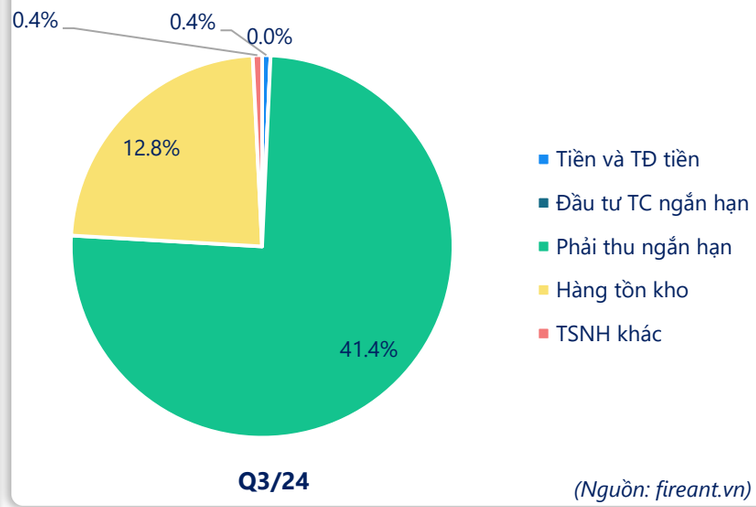

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

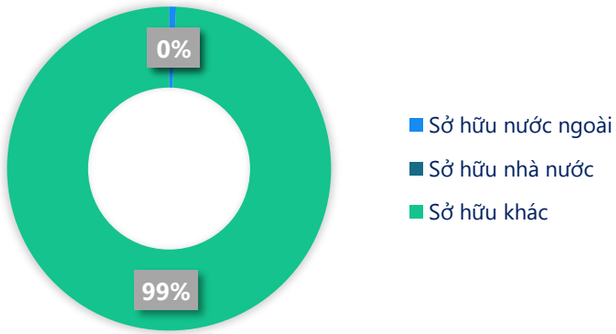

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

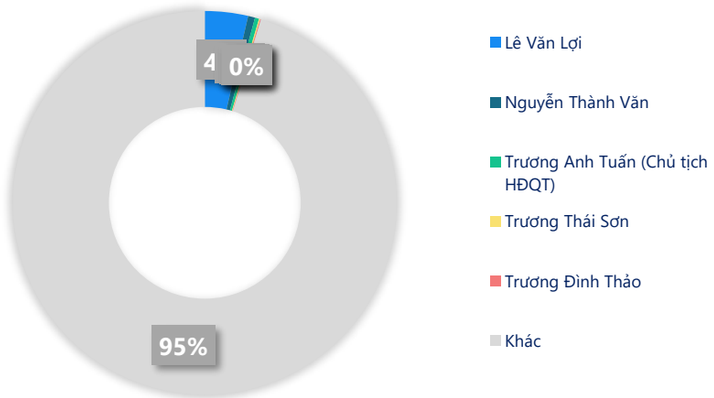

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

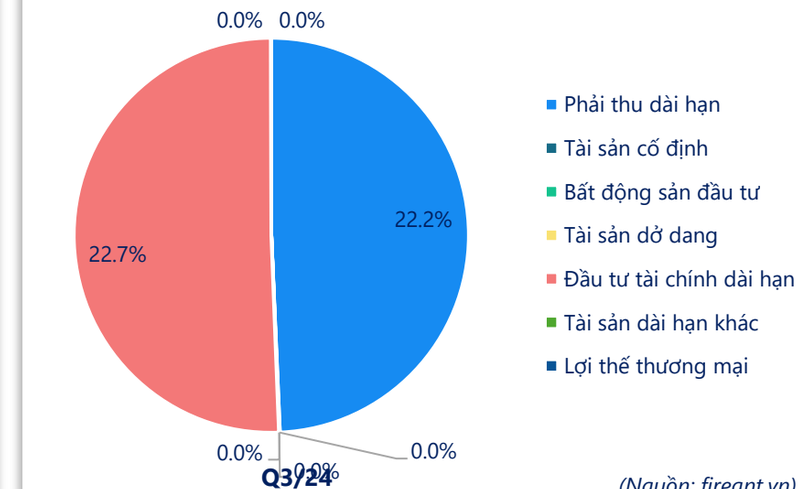

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HSX: HQC)

Tiền và tương đương tiền

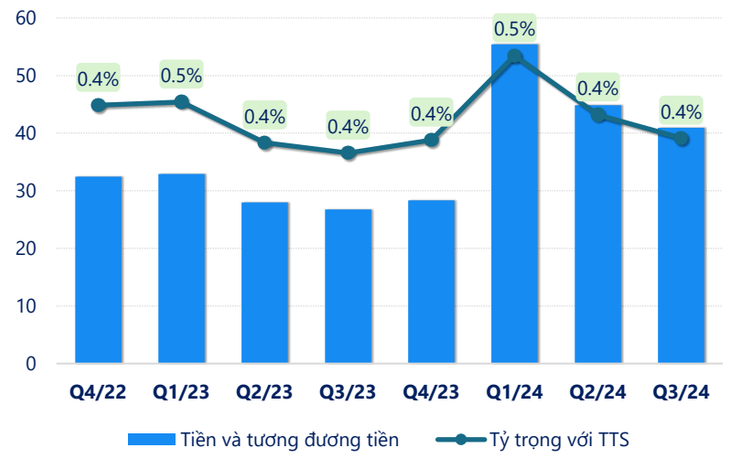

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

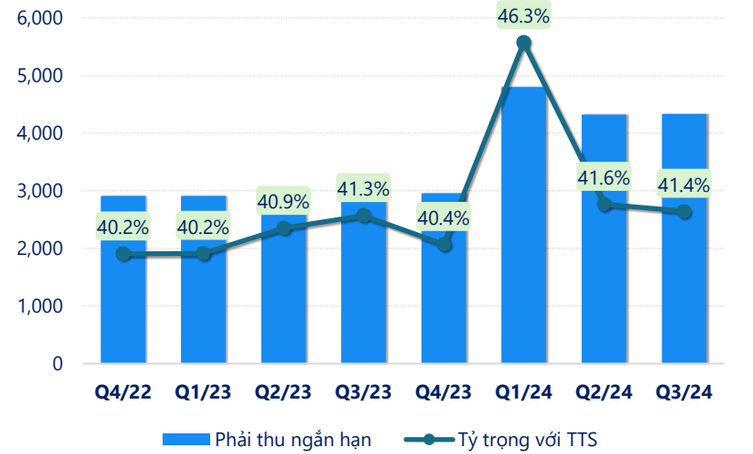

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

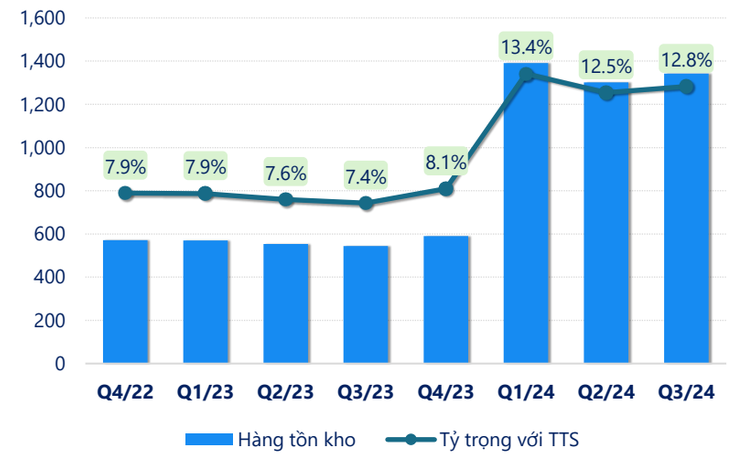

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

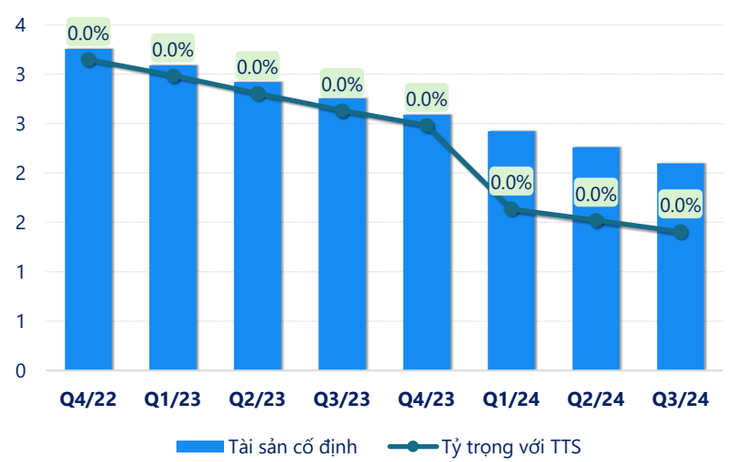

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

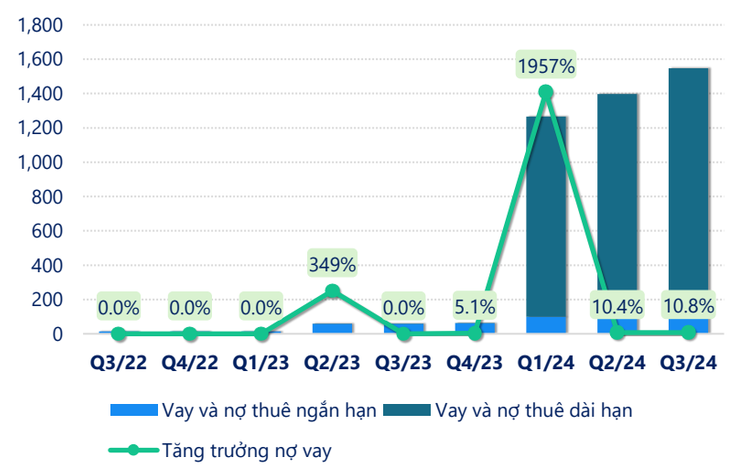

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

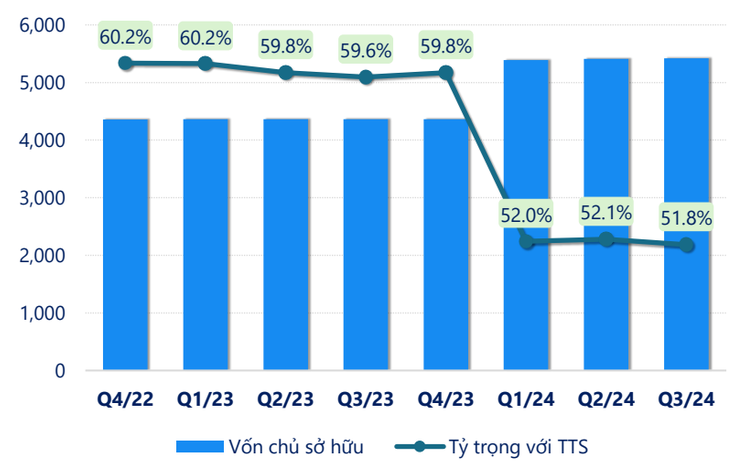

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HSX: HQC)

Kết quả kinh doanh

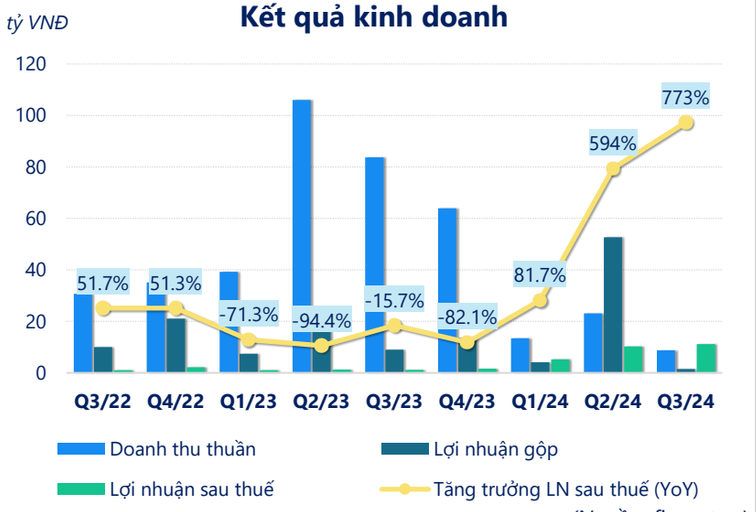

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

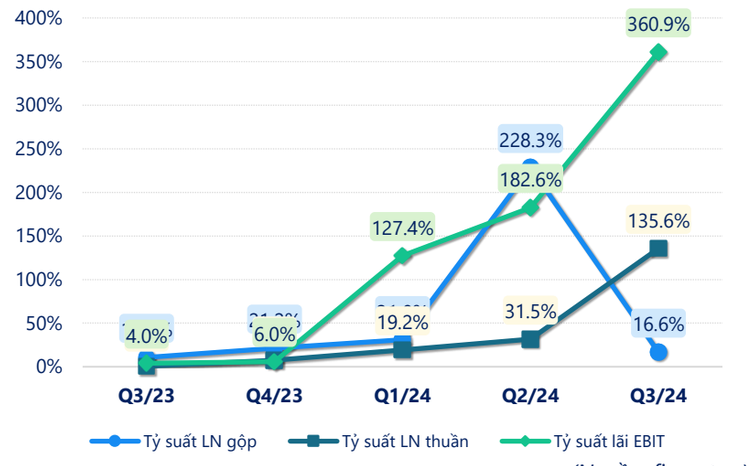

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

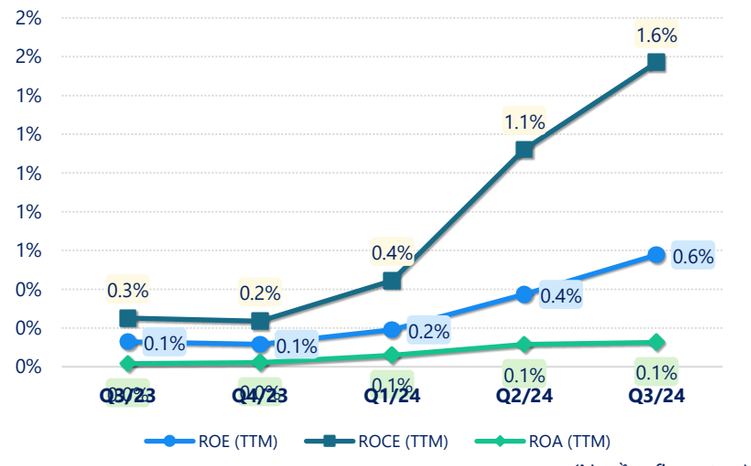

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

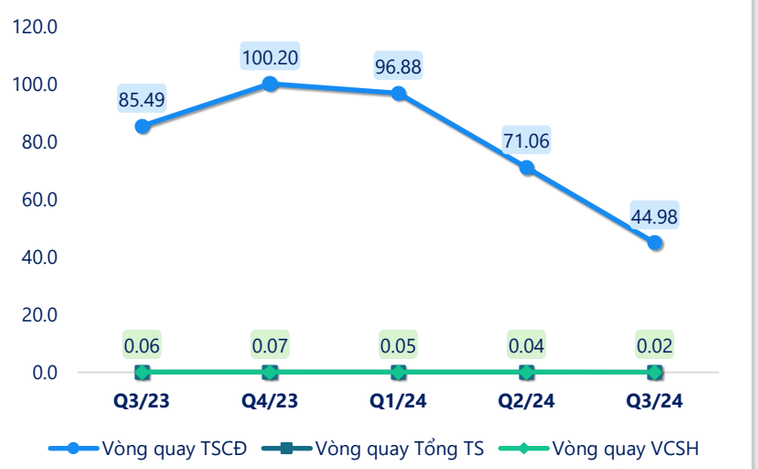

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

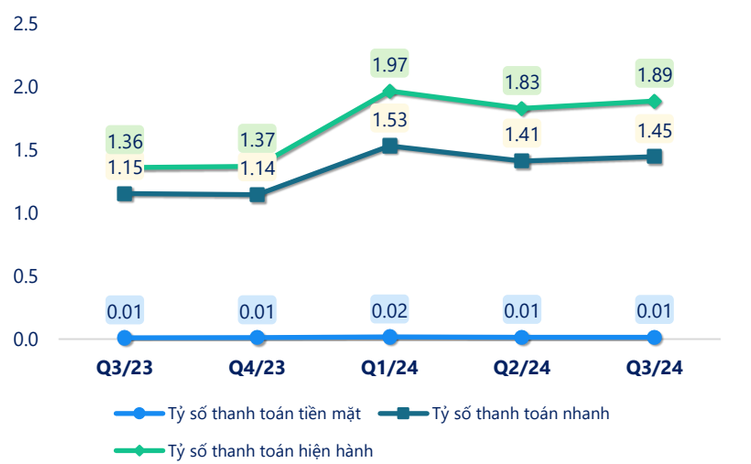

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

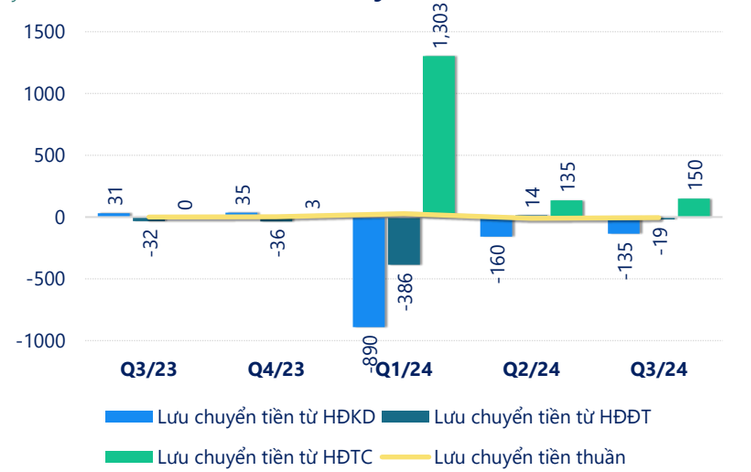

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tư vấn - Thương mại - Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân (HSX: HQC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,456**	**7,299**	**43.2%**
Tài sản ngắn hạn	5,758	3,585	60.6%
Tiền và tương đương tiền	40.9	28.1	45.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	4,330	2,952	46.7%
Hàng tồn kho	1,342	591	127%
Tài sản ngắn hạn khác	45.2	13.4	239%
Tài sản dài hạn	**4,698**	**3,715**	**26.5%**
Phải thu dài hạn	2,317	1,340	72.8%
Tài sản cố định	2.10	2.59	-19.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.55	1.01	53.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	2,377	2,369	0.3%
Tài sản dài hạn khác	**1.22**	**1.80**	**-32.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,037	2,935	71.6%
Nợ ngắn hạn	**3,052**	**2,619**	**16.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	157	61.5	156%
Phải trả người bán ngắn hạn	180	225	-19.7%
Nợ dài hạn	1,985	316	527%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,390	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,419**	**4,364**	**24.2%**
Vốn chủ sở hữu	**5,419**	**4,364**	**24.2%**
Vốn điều lệ	5,766	4,766	21.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	83.7	63.9	13.4	23.0	8.82
Giá vốn hàng bán	74.8	50.4	9.24	-29.6	7.35
Lợi nhuận gộp	8.97	13.6	4.15	52.6	1.46
Doanh thu HĐTC	1.09	0.78	14.9	15.9	40.7
Chi phí TC	1.88	1.94	11.2	49.2	20.7
Chi phí lãi vay	1.82	1.89	11.1	29.0	17.7
LN trong công ty LKLD	0	0	0.12	0.06	0.00
Chi phí bán hàng	0.79	0.69	0.70	1.54	1.72
Chi phí QLDN	6.91	6.85	4.69	10.5	7.78
LN thuần từ HĐKD	0.49	4.86	2.57	7.27	12.0
Lợi nhuận khác	1.04	-2.92	3.34	5.81	2.16
LN trước thuế	1.54	1.94	5.91	13.1	14.1
Lợi nhuận sau thuế	1.20	1.58	5.25	10.2	11.2
LNST của CĐ cty mẹ	1.20	1.58	5.24	10.2	11.2

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.3	34.7	-890	-160	-135
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-32.4	-36.1	-386	14.4	-19.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	3.00	1,303	135	150
Tiền đầu kỳ	27.9	26.8	28.1	55.4	44.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.19**	**1.57**	**27.3**	**-10.6**	**-3.91**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.8	28.3	55.4	44.8	40.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic